

PHỤ LỤC DANH SÁCH
CÁC THỪA ĐẤT ĐÃ XÁC ĐỊNH SƠ BỘ ĐƯỢC HỌ TÊN NGƯỜI ĐANG
SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT TUY NHIÊN CHƯA CÓ
THÔNG TIN LIÊN LẠC

(Địa chỉ thửa đất tại: Thôn Phú Ninh, xã Minh Phú cũ,
nay là thôn Phú Sơn xã Kim Anh, TP Hà Nội)

(Kèm theo Thông báo số/TB-UBND ngày/...../2026 của UBND xã Kim Anh)

TT	Tên người đang sử dụng đất, tài sản trên đất	Số điện thoại	Địa chỉ thửa đất GPMB	Số thửa đất GPMB	Số tờ GPMB	Tổng diện tích sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi GPMB (m ²)	Ghi chú
1	Đào Ngọc Đạt		Thôn Phú Sơn	5-4	2	3,468.0	3,468.0	CLN
2	Phạm Văn Thảo		Thôn Phú Sơn	2	3	23,832.1	23,832.1	ONT+CLN
3	Vũ Ngọc Trinh		Thôn Phú Sơn	5	5	2,622.6	2,622.6	ONT+CLN
4	Trần Thị Xuân		Thôn Phú Sơn	11-1	5	3,537.0	3,537.0	ONT+CLN
5	Đỗ Văn Bình		Thôn Phú Sơn	11-2	5	4,514.1	4,514.1	ONT+CLN+NTS
6	Cao Thành Long		Thôn Phú Sơn	13	5	2,447.5	2,447.5	ONT+CLN
7	Đặng Thị Ngân		Thôn Phú Sơn	14	5	1,296.2	1,296.2	CLN
8	Phan Quốc Hưng		Thôn Phú Sơn	18-1	5	2,183.3	2,183.3	CLN
9	Hường		Thôn Phú Sơn	18-2	5	3,101.1	3,101.1	
10	Nguyễn Thị Sáng		Thôn Phú Sơn	24-1	5	1,118.5	1,118.5	LUC
11	Vũ Ngọc Trinh		Thôn Phú Sơn	29	5	1,001.0	1,001.0	CLN
12	Vũ Ngọc Trinh		Thôn Phú Sơn	31	5	1,009.0	1,009.0	CLN
13	Vũ Ngọc Trinh		Thôn Phú Sơn	32	5	1,400.0	1,400.0	CLN
14	Nguyễn Văn Lượng		Thôn Phú Sơn	4	8	654.8	654.8	LUC
15	Dương Văn Cát		Thôn Phú Sơn	12	8	1,783.2	1,783.2	LUC
16	Vũ Thị Hà		Thôn Phú Sơn	27-1	8	268.1	268.1	ONT+CLN
17	Hoàng Thị Ánh Nguyệt		Thôn Phú Sơn	29	8	713.9	713.9	LUC
18	Lê Văn Việt		Thôn Phú Sơn	31	8	360.0	360.0	ONT+CLN
19	Chu Thanh Lộc		Thôn Phú Sơn	34	8	360.0	360.0	ONT+CLN
20	Dương Văn Tuấn		Thôn Phú Sơn	35	8	1,190.7	1,190.7	LUC
21	Vũ Thanh Tâm		Thôn Phú Sơn	44-2	8	360.0	360.0	CLN
22	Phạm Trung Kiên		Thôn Phú Sơn	50	8	756.2	756.2	ONT+CLN
23	Nguyễn Thị Thanh		Thôn Phú Sơn	62	8	362.0	362.0	CLN
24	Vũ Thanh Tâm		Thôn Phú Sơn	63-1	8	700.0	700.0	CLN
25	An Như Bảy		Thôn Phú Sơn	63-2	8	300.0	300.0	CLN
26	Lê Kim Chi		Thôn Phú Sơn	64	8	1,562.7	1,562.7	CLN
27	Nguyễn Thị Thanh		Thôn Phú Sơn	6	10	360.3	360.3	CLN
28	Nguyễn Thị Thu Hiền (Hoàng Việt)		Thôn Phú Sơn	10	10	1,563.1	1,563.1	CLN
29	Lê Thị Ninh		Thôn Phú Sơn	13	10	363.2	363.2	CLN
30	Trần Xuân Quang - Trần Thị Dung		Thôn Phú Sơn	15-1	10	1,491.0	1,491.0	ONT+CLN
31	Trần Xuân Quang - Trần Đức Hoàn		Thôn Phú Sơn	15-2	10	1,989.0	1,989.0	ONT+CLN
32	Nguyễn Thị Hồng Phương		Thôn Phú Sơn	26	10	3,356.9	3,356.9	CLN

33	Ngô Thị Hoàn		Thôn Phú Sơn	37-2	10	280.3	280.3	ONT+CLN
34	Ngô Thị Chính		Thôn Phú Sơn	37-3	10	280.2	280.2	ONT+CLN
35	Ngô Thị Thiện		Thôn Phú Sơn	37-4	10	280.3	280.3	ONT+CLN
36	Trần Anh Tú		Thôn Phú Sơn	44	10	708.3	708.3	ONT+CLN
37	Công Thị Ngọc Anh		Thôn Phú Sơn	46	10	951.2	951.2	ONT+CLN
38	Nguyễn Văn Hiện		Thôn Phú Sơn	51	10	359.6	359.6	ONT+CLN
39	Năm - Liễu		Thôn Phú Sơn	65	10	184.6	184.6	CLN
40	Lê Văn Hùng		Thôn Phú Sơn	68	10	673.0	673.0	ONT+CLN
41	Trần Thị Kim Dung		Thôn Phú Sơn	70	10	177.9	177.9	CLN
42	Lê Đình Tạo		Thôn Phú Sơn	76	10	78.4	78.4	LUC
43	Nguyễn Thanh Tùng		Thôn Phú Sơn	2	12	3,611.3	3,611.3	BHK
44	Phùng Văn Khanh		Thôn Phú Sơn	11	12	5,304.8	5,304.8	BHK
45	Vũ Đức Thuận		Thôn Phú Sơn	12	12	388.2	388.2	CLN
46	Hoàng Đức Minh		Thôn Phú Sơn	14	12	1,081.7	1,081.7	ONT+CLN
47	Hoàng Đức Thanh		Thôn Phú Sơn	16	12	1,452.7	1,452.7	BHK
48	Hồng		Thôn Phú Sơn	17-1	12	353.8	353.8	BHK
49	Lê Văn Khánh		Thôn Phú Sơn	23	12	1,240.2	1,240.2	BHK
50	Mai		Thôn Phú Sơn	30	12	811.7	811.7	BHK
51	Nguyễn Thị Hòa		Thôn Phú Sơn	31	12	464.9	464.9	BHK
52	Luu Đình Hải		Thôn Phú Sơn	36	12	3,881.2	3,881.2	BHK
53	Nguyễn Văn Hiếu		Thôn Phú Sơn	39	12	753.9	753.9	BHK
54	Nguyễn Văn Đạt		Thôn Phú Sơn	42-1	12	346.3	346.3	BHK
55	Nguyễn Xuân Ton		Thôn Phú Sơn	42-2	12	186.0	186.0	BHK
56	Nguyễn Văn Đạt		Thôn Phú Sơn	43	12	1,238.9	1,238.9	BHK
57	Nguyễn Quốc Nguyên		Thôn Phú Sơn	44	12	2,260.3	2,260.3	BHK
58	Trần Ngọc Linh		Thôn Phú Sơn	6	14	917.3	917.3	CLN

Ghi chú: Phụ lục trên được lập theo danh sách kèm Báo cáo đề xuất của Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Kim Anh ngày 30/8/2026.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CHƯA XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐANG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

(Địa chỉ thửa đất tại: Thôn Phú Ninh, xã Minh Phú cũ,
nay là thôn Phú Sơn xã Kim Anh, TP Hà Nội)

(Kèm theo Thông báo số/TB-UBND ngày/...../2026 của UBND xã Kim Anh)

TT	Tên người đang sử dụng đất, tài sản trên đất	Số Điện Thoại	Địa chỉ thửa đất GPMB	Số thửa đất GPM B	Số tờ GPM B	Tổng diện tích sử dụng	Diện tích thu hồi GPMB	Diện tích còn lại	Ghi chú
1	-		Thôn Phú Sơn	1	1	704.1	704.1	0.0	RPH
2	-		Thôn Phú Sơn	4	1	13595.9	13595.9	0.0	ONT+CLN
3	-		Thôn Phú Sơn	6	1	46793.4	46793.4	0.0	RPH
4	-		Thôn Phú Sơn	10	1	277.4	277.4	0.0	NTD
5	-		Thôn Phú Sơn	11	1	505.0	505.0	0.0	NTD
6	-		Thôn Phú Sơn	12	1	5915.3	5915.3	0.0	RPH
7	-		Thôn Phú Sơn	4	2	7981.5	7981.5	0.0	CLN
8	-		Thôn Phú Sơn	5-2	2	9136.1	9136.1	0.0	CLN
9	-		Thôn Phú Sơn	5-7	2	22441.4	22441.4	0.0	CLN
10	-		Thôn Phú Sơn	13	3	2153.6	2153.6	0.0	CLN
11	-		Thôn Phú Sơn	1	4	399.6	399.6	0.0	CLN
12	-		Thôn Phú Sơn	5	4	11871.7	11871.7	0.0	CLN
13	-		Thôn Phú Sơn	6	4	7961.0	7961.0	0.0	RPH
14	-		Thôn Phú Sơn	12-1	4	5927.1	5927.1	0.0	RPH
15	-		Thôn Phú Sơn	12-2	4	5681.5	5681.5	0.0	RPH
16	-		Thôn Phú Sơn	15	5	909.8	909.8	0.0	CLN
17	-		Thôn Phú Sơn	16	5	937.9	937.9	0.0	CLN
18	-		Thôn Phú Sơn	20	5	145.3	145.3	0.0	ONT
19	-		Thôn Phú Sơn	6	6	1505.3	1505.3	0.0	CLN
20	-		Thôn Phú Sơn	19	6	1097.3	1097.3	0.0	CLN
21	-		Thôn Phú Sơn	3	7	9779.8	9779.8	0.0	RPH
22	-		Thôn Phú Sơn	46	8	1545.2	1545.2	0.0	ONT+CLN+NTS
23	-		Thôn Phú Sơn	53	8	1070.0	1070.0	0.0	ONT+CLN
24	-		Thôn Phú Sơn	1	9	9729.9	9729.9	0.0	NTS+CLN
25	-		Thôn Phú Sơn	56	10	1822.9	1822.9	0.0	RPH
26	-		Thôn Phú Sơn	62	10	879.4	879.4	0.0	ONT+CLN
27	-		Thôn Phú Sơn	78	10	250.3	250.3	0.0	CLN
28	-		Thôn Phú Sơn	83	10	423.3	423.3	0.0	CLN
29	-		Thôn Phú Sơn	3	11	3592.4	3592.4	0.0	ONT+CLN
30	-		Thôn Phú Sơn	27-1	12	497.9	497.9	0.0	BHK
31	-		Thôn Phú Sơn	56	12	609.8	609.8	0.0	BHK
32	-		Thôn Phú Sơn	8	13	1116.5	1116.5	0.0	CLN
33	-		Thôn Phú Sơn	14	13	680.1	680.1	0.0	CLN
34	-		Thôn Phú Sơn	16	13	478.6	478.6	0.0	CLN
35	-		Thôn Phú Sơn	17	13	500.1	500.1	0.0	CLN
36	-		Thôn Phú Sơn	19	13	1192.6	1192.6	0.0	CLN
37	-		Thôn Phú Sơn	10	14	1145.3	1145.3	0.0	CLN